

Số: /BC-THCS

Tiên Thắng, ngày tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO

Thực hiện Quy chế dân chủ trong thực hiện nhiệm vụ tại trường THCS Tiền Thắng - Toàn Thắng năm học 2024-2025

Căn cứ Quyết định số 36/QĐ-HĐND ngày 11/3/2025 của Hội đồng nhân dân xã Tiên Thắng về việc thành lập đoàn giám sát chuyên đề thực hiện quy chế dân chủ trong thực hiện nhiệm vụ tại trường THCS Tiên Thắng-Toàn Thắng và trường Mầm non Tiên Thắng năm học 2024-2025;

Thực hiện kế hoạch số 10/KH-BKTXH ngày 12/3/2025 của Hội đồng nhân dân xã Tiên Thắng giám sát chuyên đề về việc thực hiện quy chế dân chủ trong thực hiện nhiệm vụ tại trường THCS Tiên Thắng-Toàn Thắng và trường Mầm non Tiên Thắng năm học 2024-2025;

Trường THCS Tiên Thắng – Toàn Thắng báo cáo kết quả thực hiện quy chế dân chủ trong thực hiện nhiệm vụ năm học 2024-2025 cụ thể như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH NHÀ TRƯỜNG

Trường THCS Tiên Thắng – Toàn Thắng được sáp nhập bởi trường THCS Tiên Thắng và trường THCS Toàn Thắng từ ngày 01/7/2023 theo quyết định số 1894/QĐ-UBND ngày 07/06/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Tiên Lãng.

Trường THCS Tiên Thắng – Toàn Thắng gồm 02 khu: Khu trung tâm thuộc thôn Mỹ Lộc, xã Tiên Thắng; khu điểm trường thuộc thôn Đông Quy – xã Tân Minh, huyện Tiên Lãng.

1. Số lớp, số học sinh:

- Tổng số lớp học: 20 lớp.
- Tổng số học sinh đầu năm học: 701 HS; (giảm 10 học sinh).
- + Số học sinh là người địa phương 435 HS (nữ 315) 12 lớp = 62 %
- + Số học sinh từ địa phương khác 266 HS (nữ 131) 8 lớp = 38 %
- Tổng số học sinh đến tháng 3/2025: 704 HS; (tăng 03 so với đầu năm học).
- + Số học sinh tại khu trung tâm 436 HS (nữ 316) 12 lớp = 61,9 %
- + Số học sinh tại điểm trường 268 HS (nữ 132) 8 lớp = 38,1 %

2. Đội ngũ:

- Tổng số: 41 cán bộ, giáo viên, nhân viên, trong đó:

- + Diện biên chế: 38
- + Hợp đồng: 03
- Trong tổng số cán bộ, giáo viên có:
 - + Cán bộ quản lý: 02
 - + Nhân viên công tác hành chính: 03
 - + Giáo viên trực tiếp giảng dạy: 34
 - + Giáo viên môn Tin học thỉnh giảng: 02
 - + Bảo vệ: 02

3. Cơ sở vật chất

- Trường có tổng diện tích đất 12.825m² gồm 2 khu:
 - + Khu trung tâm có diện tích đất 7.655m² với 3 dãy nhà cao tầng gồm 18 phòng học, 17 phòng chức năng, phòng hiệu bộ, kho.
 - + Khu điểm trường có diện tích đất 5.170m² gồm 3 dãy nhà cao tầng, 8 phòng học, 3 phòng học bộ môn 8 phòng làm việc, 1 nhà đa năng. Số phòng học đủ, trang thiết bị cơ bản đáp ứng việc tổ chức các hoạt động dạy và học.
- Để đáp ứng việc tổ chức dạy và học nhà trường còn thiếu thiết bị phục vụ dạy và học chương trình GDPT 2018.
- Trong năm học 2024-2025 đã mua sắm nhiều thiết bị làm việc và dạy học.

(Có bảng kê chi tiết kèm theo)

- Tổ chức sửa chữa mái nhà để xe học sinh, thay tôn màu nhà xe giáo viên, sửa chữa 04 bộ cánh cửa, làm mới 02 bộ cánh cửa tại khu trung tâm; làm lại sân khấu nhà lớp học tại điểm trường; làm lại bảng tin ngoài trời tại hai cơ sở bị hỏng hóc do bão Yagi 2024.
- Tổ chức sửa chữa cơ sở vật chất bị hỏng hóc do bão Yagi 2024 kinh phí gần 1,6 tỷ đồng (gồm 01 mái nhà, cửa đại nhà đa năng tại điểm trường; thu hồi, làm mới 03 mái chống nóng, chống thấm 03 nhà cao tầng tại khu trung tâm); sửa chữa sơn, quét vôi các phòng học, phòng làm việc, nhà vệ sinh học sinh tại trung tâm kinh phí 1 tỷ đồng (Đang tiến hành).

II. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI

1. Văn bản hướng dẫn của trung ương

Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng bộ giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;

Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công khai ngân sách; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của

Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính;

Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực GDĐT;

Thông tư số 26/2009/TT-BGDĐT ngày 30/9/2009 của Bộ trưởng bộ giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định về mặc đồng phục và lễ phục tốt nghiệp của học sinh, sinh viên;

Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng bộ giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ Ban đại diện Cha mẹ học sinh;

Thông tư 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập;

Công văn số 2179/BGDĐT-KHTC ngày 13/5/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục đào tạo năm học 2024-2025;

Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16/5/2012 của Bộ trưởng bộ giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định về dạy thêm, học thêm; Quyết định số 2449/QĐ-BGDĐT ngày 26/8/2019 về công bố hết hiệu lực các Điều 6,8,9,10,11,12,13 và 14 tại Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16/5/2012.

Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2025 của Bộ trưởng bộ giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định về dạy thêm, học thêm.

2. Văn bản hướng dẫn của thành phố

Quyết định số 2050/QĐ-UBND ngày 21/11/2012 của UBND thành phố Hải Phòng quy định về dạy thêm học thêm trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Quyết định số 19/2020/QĐ-UBND ngày 03/8/2020 về công bố hết hiệu lực các điều 5,8,9,10,11,12,13,14 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 2050/QĐ-UBND ngày 21/11/2012; công văn số 2716/SGDĐT-TrH ngày 03/10/2023 của SGD&ĐT Hải Phòng về việc tăng cường công tác quản lý dạy thêm, học thêm, chấn chỉnh hoạt động dạy thêm, học thêm từ năm học 2023-2024;

Nghị quyết số 54/2019/NQ-HĐND ngày 19/12/2019 của HĐND thành phố Hải Phòng về chính sách hỗ trợ học phí cho học sinh trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 19/7/2024 của HĐND thành phố Hải Phòng quy định mức học phí năm học 2024-2025 đối với các trường công lập, giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Công văn số 6341/UBND - VX ngày 10/9/2021 của UBND thành phố Hải Phòng về việc thực hiện Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 quy định về tài trợ cho cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND thành phố Hải Phòng về sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND thành phố Hải Phòng quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục đào tạo đối với cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Hướng dẫn số 86/HDLS-GDĐT-TC ngày 25/01/2024 Liên sở GDĐT và Tài chính về thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023;

Quyết định số 2802/QĐ-UBND ngày 07/8/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành giá dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Công văn số 3417/VP-VX ngày 23/5/2024 của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục đào tạo năm học 2024-2025;

Công văn số 03/HDLS-GDĐT-STC ngày 26/9/2022 của Sở GDĐT, Sở Tài chính Hải Phòng về việc thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục đào tạo đối với cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Công văn số 1044/HDLS-GDĐT-TC ngày 19/8/2024 của Sở GDĐT, Sở Tài chính Hải Phòng về việc thực hiện thu và sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng từ năm học 2024-2025;

Công văn số 2533/GDĐT-KHTC ngày 22/8/2024 của Sở GDĐT Hải Phòng về việc thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục đào tạo năm học 2024-2025;

Công văn số 56/HDLN-HKH-SGDĐT ngày 01/12/2016 của Hội khuyến học, Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hải Phòng hướng dẫn liên ngành công tác khuyến học trong nhà trường;

Công văn số 783/SGDĐT-KHTC ngày 19/09/2013 của SGD&ĐT về hướng dẫn thực hiện Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh, quản lý và sử dụng các khoản đóng góp tự nguyện của học sinh.

3. Văn bản chỉ đạo điều hành của UBND huyện, Phòng GD&ĐT

Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 12/10/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Tiên Lãng về việc tăng cường công tác quản lý, sử dụng các khoản đóng góp; chấn chỉnh hoạt động dạy thêm, học thêm trên địa bàn huyện Tiên Lãng;

Công văn số 2269/UBND-BHXXH ngày 05/8/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Tiên Lãng về việc triển khai bảo hiểm y tế học sinh năm học 2024-2025; Công văn số 290/CV-BHXXH ngày 09/8/2024 của Bảo hiểm xã hội huyện Tiên Lãng về việc hướng dẫn công tác thu bảo hiểm y tế học sinh năm học 2024-2025;

Công văn số 2436/UBND-TCKH ngày 20/8/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Tiên Lãng về việc thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục đào tạo năm học 2024-2025;

Kế hoạch liên ngành số 34/KH-LN ngày 12/9/2023 giữa Huyện đoàn và Phòng GD&ĐT Tiên Lãng về việc triển khai phong trào Kế hoạch nhỏ giai đoạn 2023-2027;

Công văn số 452/GDĐT ngày 11/9/2024 của Phòng GD&ĐT Tiên Lãng về việc thực hiện các khoản thu, chi; chấn chỉnh việc dạy thêm, học thêm; phối hợp liên kết giáo dục đào tạo trong trường học năm học 2024-2025;

Công văn số 455/GDĐT ngày 12/9/2024 của Phòng GD&ĐT Tiên Lãng về việc phối hợp triển khai thực hiện BHYT học sinh năm học 2024-2025;

Công văn số 398/GDĐT ngày 23/9/2022 của Phòng GD&ĐT Tiên Lãng về việc quán triệt triển khai sử dụng phần mềm quản lý các khoản thu thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Dự toán các khoản thu, chi do ngân sách được cấp trong năm học 2024-2025

1.1. Tổng dự toán được sử dụng trong năm 2024

- Tổng kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng
- Tổng dự toán được giao trong năm: 10.863.484.643 đồng

1.2. Tổng kinh phí dự toán quyết toán trong năm 2024

- Lương theo ngạch, bậc: 4.074.708.418 đồng
- Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng: 204.974.400 đồng
- Chi phụ cấp theo lương: 2.316.783.704 đồng
- Chi thưởng: 11.640.000 đồng
- Chi phúc lợi tập thể: 243.777.967 đồng

- Chi các khoản đóng góp theo lương (nộp tiền bảo hiểm, KPCĐ): 1.283.558.344 đồng

- Chi các khoản thanh toán khác cho cá nhân: 2.073.063.548 đồng

- Chi thanh toán dịch vụ công cộng: 146.845.542 đồng

- Chi mua sắm vật tư văn phòng: 102.427.000 đồng

- Chi thông tin, tuyên truyền, liên lạc: 19.043.235 đồng

- Chi khoán công tác phí: 21.500.000 đồng

- Chi thuê mướn: 143.850.000 đồng

- Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng: 53.130.000 đồng

- Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành: 164.885.785 đồng

- Chi khác: 3.296.700 đồng

(chi tiết các khoản chi kèm theo phụ lục bảng đối chiếu tình hình sử dụng kinh phí sử dụng ngân sách tại kho bạc của trường).

2. Công tác thu, chi theo quy định, thỏa thuận và tự nguyện

2.1. Các khoản thu, chi theo quy định hiện hành của HĐND và UBND thành phố

a. Học phí: Không thu

b. Tiền coi trông xe đạp học sinh:

Thực hiện theo Quyết định số 2802/QĐ-UBND ngày 07/8/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành giá dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Hải Phòng và biên bản họp cha mẹ học sinh.

STT	Khoản thu	SL thu	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Gửi xe T9/2024	532 xe	30,000	15,960,000	
2	Gửi xe T10/2024	531 xe	30,000	15,930,000	
3	Gửi xe T11/2024	528 xe	30,000	15,840,000	
4	Gửi xe T12/2024	528 xe	30,000	15,840,000	
5	Gửi xe T1/2025	525 xe	30,000	15,750,000	
6	Gửi xe T2/2025	521 xe	30,000	15,630,000	
	Cộng thu trông coi xe đến 18/3/2025			94,950,000	

c. Học thêm:

+ Từ tháng 9/2024 đến ngày 13/02/2025: Thực hiện theo Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16/5/2012 của Bộ trưởng bộ giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định về dạy thêm, học thêm; Quyết định số 2449/QĐ-BGDĐT ngày 26/8/2019 về công bố hết hiệu lực các Điều 6,8,9,10,11,12,13 và 14 tại Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16/5/2012. Quyết định số 2050/QĐ-UBND ngày 21/11/2012 của UBND thành phố Hải Phòng quy định về dạy thêm học thêm trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

+ Không thu tiền học thêm từ 14/02/2025 theo Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2025 của Bộ trưởng bộ giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định về dạy thêm, học thêm.

STT	Khoản thu	SL thu (tiết)	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Học thêm T9/2024	92	2,700	248,400	Giảm 70%
2	Học thêm T9/2024	56	4,500	252,000	Giảm 50%
3	Học thêm T9/2024	12.074	9,000	108,666,000	
4	Học thêm T10/2024	248	2,700	669,600	Giảm 70%
5	Học thêm T10/2024	144	4,500	648,000	Giảm 50%
6	Học thêm T10/2024	31.066	9,000	279,594,000	
7	Học thêm T11/2024	34,347	9,000	309,123,000	
8	Học thêm T11/2024	272	2,700	734,400	Giảm 70%
9	Học thêm T11/2024	163	4,500	733,500	Giảm 50%
10	Học thêm T12/2024	272	2,700	734,400	Giảm 70%
11	Học thêm T12/2024	160	4,500	720,000	Giảm 50%
12	Học thêm T12/2024	34.554	9,000	310,986,000	
13	Học thêm T1/2025	220	2,700	594,000	Giảm 70%
14	Học thêm T1/2025	131	4,500	589,500	Giảm 50%
15	Học thêm T1/2025	27.112	9,000	244,008,000	
16	Học thêm T2/2025	68	2,700	183,600	Giảm 70%
17	Học thêm T2/2025	68	4,500	306,000	Giảm 50%
18	Học thêm T2/2025	14.596	9,000	131,360,400	
	Cộng thu học thêm đến 18/3/2025			1,390,150,800	

2.2. Các khoản thu, chi theo phục vụ trực tiếp việc học tập, sinh hoạt của học sinh

a. Nước uống học sinh:

Thực hiện theo công văn số 2436/UBND-TCKH ngày 20/8/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Tiên Lãng về việc thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục đào tạo năm học 2024-2025 và biên bản họp PHHS.

STT	Khoản thu	SL thu (HS x số tháng)	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
-----	-----------	------------------------------	---------	------------	------------

1	Nước uống học kỳ 1	2.804	10,000	28,040,000	
2	Nước uống tháng 1/2025	702	10,000	7,020,000	
3	Nước uống tháng 2,3,4 và 1/2 T5/2025	2.457	10,000	24,570,000	
	Cộng thu nước uống đến 18/3/2025			59,630,000	

b. Đồng phục học sinh:

Thực hiện theo Thông tư số 26/2009/TT-BGDĐT ngày 30/9/2009 của Bộ trưởng bộ giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định về mặc đồng phục và lễ phục tốt nghiệp của học sinh, sinh viên và biên bản họp PHHS.

STT	Khoản thu	SL thu	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Đồng phục thể thao dài tay khối 6	170 HS	225,000	38,250,000	
2	Đồng phục thể thao dài tay khối 8	02 HS	125,000	250,000	
3	Đồng phục thể thao dài tay khối 8	120 HS	235,000	28,200,000	
	Cộng thu đồng phục học sinh đến 18/3/2025			66,700,000	

c. Hoạt động trải nghiệm:

Thực hiện theo công văn số 2474/SGDDĐT-GDTrH ngày 16/8/2024 của Sở GDĐT Hải Phòng về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2024-2025; công văn số 437/GDDĐT ngày 04/9/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Tiên Lãng về lịch chỉ đạo thực hiện chương trình giáo dục trung học năm học 2024-2025; kế hoạch số 16/KH-THCS ngày 11/02/2025 về kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2024- 2025; công văn số 408/UBND-VP ngày 19/02/2025 của UBND huyện Tiên Lãng về việc đồng ý cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh đi trải nghiệm học tập năm học 2024-2025;

Biên bản họp cha mẹ học sinh trường THCS Tiên Thắng-Toàn Thắng ngày 19/01/2025 về việc tổ chức Hoạt động Giáo dục ngoài giờ chính khóa và Trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh.

STT	Khoản thu	SL thu (HS)	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Thu học sinh đi trải nghiệm thực tế tại Hải Phòng	270	113.000	30.510.000	
	Cộng thu đến 18/3/2025			30.510.000	

2.3. Các khoản thu hộ

a. Thu BHYT năm 2025:

Thực hiện theo công văn số 2269/UBND-BHXXH ngày 05/8/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Tiên Lãng về việc triển khai bảo hiểm y tế học sinh năm học 2024-

2025; Công văn số 290/CV-BHXXH ngày 09/8/2024 của Bảo hiểm xã hội huyện Tiên Lãng về việc hướng dẫn công tác thu bảo hiểm y tế học sinh năm học 2024-2025.

STT	Khoản thu	SL thu	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Bảo hiểm y tế năm 2025	660 HS	884,520	583,783,200	
	Cộng thu BHYT đến 18/3/2025			583,783,200	

b. Thu quỹ kế hoạch nhỏ:

Thực hiện theo kế hoạch liên ngành số 34/KH-LN ngày 12/9/2023 giữa Huyện đoàn và Phòng GDĐT Tiên Lãng về việc triển khai phong trào Kế hoạch nhỏ giai đoạn 2023-2027 và biên bản họp PHHS đầu năm học 2024-2025.

STT	Khoản thu	SL thu (HS x số tháng)	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Quỹ kế hoạch nhỏ học kỳ 1	2.804	5 000	14,020,000	
2	Quỹ kế hoạch nhỏ học kỳ 2	2.808	5 000	14,040,000	
	Cộng thu kế hoạch nhỏ đến 18/3/2025			28,060,000	

2.4. Các khoản thu kinh phí huy động từ nguồn tài trợ, đóng góp tự nguyện của các tổ chức cá nhân:

Không thực hiện huy động xã hội hóa.

Không huy động kinh phí tự nguyện từ các tổ chức, cá nhân.

3. Các khoản chi:

3.1. Các khoản chi theo quy định hiện hành

a. Học phí:

+ Phần thu

- Số dư năm trước chuyển sang: 0 đồng
- Số thu học kỳ 2 năm học 2023 - 2024: 221.836.000 đồng.
- Số thu học kỳ 1 năm học 2024- 2025: 174.158.000 đồng.

Tổng số thu: 395.994.000 đồng

+ Phần chi

Tổng số chi: 395.994.000 đồng

Trong đó:

- Chi lương và các khoản theo lương: 290.065.000 đồng.

- Chi mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất: 105.929.000 đồng.

Tồn dư: 0 đồng.

(Có bảng kê chi tiết kèm theo).

b. Trồng giữ xe học sinh

+ Phần thu

- Số dư năm trước chuyển sang: 2.136.180 đồng

- Số thu năm học 2024-2025 đến 18/3/2025: 94.950.000 đồng.

+ Phần chi

Tổng số chi: 68.474.000 đồng

Trong đó:

- Chi bảo vệ trực tiếp trông coi: 47.592.000 đồng.

- Chi mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất: 12.950.000 đồng.

- Chi nộp thuế: 7.932.000 đồng

Tổng chi: 68.474.000 đồng

Tồn dư: 28.612.180 đồng.

c. Học thêm:

+ Phần thu

- Số dư năm trước chuyển sang: 5.305.167 đồng

- Số thu năm học 2024 - 2025: 1.390.150.800 đồng

+ Phần chi

- Chi quản lý, chỉ đạo tổ chức, giáo viên dạy: 1.082.138.688 đồng

- Chi cơ sở vật chất: 66.655.000 đồng

- Chi phúc lợi cơ quan: 51.700.000 đồng

- Chi nộp thuế: 25.165.998 đồng

- Chi phí, lệ phí: 1.348.600 đồng

Tổng số chi: 1.227.008.286 đồng

Tồn dư: 168.447.681 đồng

(Có bảng kê thu – chi kèm theo)

d. Chi quỹ Ban đại diện cha mẹ học sinh trường (Ban đại diện CMHS trường chi).

Số dư năm trước chuyển sang: 0 đồng

Số thu trích từ quỹ lớp năm học 2024 - 2025: 49.100.000 đồng

Tổng số chi đến 18/3/2025: 29.275.000 đồng

Số dư: 19.825.000 đồng

(Có bảng kê thu – chi kèm theo)

3.2. Các khoản chi phục vụ trực tiếp việc học tập, sinh hoạt của HS

a. Nước uống:

+ Phần thu: 59.630.000 đồng (Trả tiền 100% cơ sở cung cấp).

- Đã trả về công ty 28.040.000 đồng.

- Còn lại 31.590.000 đồng khi thu xong sẽ thanh toán về nhà cung cấp.

b. Đồng phục học sinh:

+ Phần thu: 66.700 000 đồng

+ Phần chi: 66.700.000 đồng

Tồn dư: 0 đồng

c. Trải nghiệm:

Tổng số thu 30.510.000 đồng

Tổng số chi 30.510.000 đồng (Nộp 100% về nhà cung cấp).

d. Kỹ năng sống trong hè:

+ Phần thu: 141.825.000 đồng

+ Phần chi:

Chi Công ty cung cấp phần mềm và nhân lực dạy KNS: 124.806.000 đồng

Chi quản lý, công thu: 10.000.000 đồng

Chi nộp thuế: 340.380 đồng

Chi khác: 26.400 đ

Tồn dư: 6.652.000 đồng.

(Có bảng kê thu – chi kèm theo)

3.3. Các khoản thu hộ

a. Bảo hiểm y tế:

Tổng số thu 583.783.200 đồng

Tổng số chi 583.783.200 đồng (Nộp 100% về quỹ BHXH huyện).

b. Quỹ kế hoạch nhỏ:

+ Phần thu

Số dư năm trước chuyển sang: 0 đồng.

Số thu năm học 2024 - 2025: 28.060.000 đồng.

+ Phần chi

- Chi chuyên đề đội "Ôn người nâng cánh ước mơ" cấp huyện: 9.760.000đ

Tổng số chi: 9.760.000 đồng

Tồn dư: 18.300.000 đồng

(Có bảng kê thu – chi kèm theo)

3.4. Quỹ Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp:

Chi theo quyết toán của từng lớp (Do chi hội trưởng lớp thực hiện theo nghị quyết cha mẹ học sinh lớp) gồm:

- Chi mua báo đội hàng tháng;
- Chi mua tấm tre ủng hộ người mù huyện, ủng hộ nạn nhân chất độc da cam.
- Chi mua văn phòng phẩm của lớp;
- Chi phô tô tài liệu học tập của lớp;
- Chi mua dụng cụ vệ sinh, ca cốc uống nước của lớp;
- Chi tặng đồ dùng học tập học sinh có thành tích;
- Chi thăm viếng PHHS của lớp mất;
- Chi học sinh ốm đi viện từ cấp thành phố;
- Chi hoạt động trung thu, văn nghệ...

4. Công tác công khai tại trường

a. Công khai các văn bản liên quan của nhà trường và Ban đại diện Hội phụ huynh học sinh

Kế hoạch phối hợp triển khai họp PHHS đầu năm học 2024-2025 ngày 03/9/2024;

Thông báo số 42/TB-THCS ngày 18/9/2024 về kết quả các cuộc họp lấy ý kiến dự kiến thu, chi tài chính năm học 2024-2025;

- Kế hoạch số 77/KH-THCS ngày 19/9/2024 dạy thêm, học thêm trong nhà trường năm học 2024-2025;

Kế hoạch số 90/KH-THCS ngày 30/9/2024 về dự toán thu, chi tài chính năm học 2024-2025;

Báo cáo số 82/BC-THCS ngày 03/10/2024 về quyết toán kinh phí thực hiện chương trình Nghị quyết số 54/2019/NQQ-HĐND ngày 09/12/2019 của HĐND thành phố đợt 1 năm 2024;

Quyết định số 122/QĐ-THCS ngày 04/10/2024 về việc công bố công khai các khoản thu, chi năm học 2024-2025;

Kế hoạch vận động xây dựng quỹ Ban đại diện CMHS ngày 04/10/2024;

Thông báo số 49/TB-THCS ngày 17/10/2024 về miễn giảm tiền học thêm cho học sinh thuộc đối tượng chính sách, học sinh nghèo, khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh khó khăn năm học 2024-2025;

Quy chế hoạt động, quy chế phối hợp của Ban đại diện Hội cha mẹ học sinh năm học 2024 – 2025 ngày 28/9/2024;

Quy chế hoạt động của Ban đại diện Hội cha mẹ học sinh năm học 2024 – 2025 ngày 04/10/2024;

Biên bản họp Ban giám hiệu với Ban đại diện cha mẹ học sinh năm học 2024-2025;

Biên bản họp cha mẹ học sinh đầu năm học 2024-2025 ngày 15/9/2024;

Biên bản họp Ban đại diện cha mẹ học sinh năm học 2024-2025 ngày 28/9/2024;

Biên bản họp cha mẹ học sinh năm học 2024-2025 ngày 09/01/2025;

Giấy ủy quyền của chi hội trưởng các lớp, của Trưởng ban đại diện CMHS trường cho Hiệu trưởng ký hợp đồng pháp lý về trang phục, vở viết, nước uống tinh khiết, hoạt động trải nghiệm cho học sinh năm học 2024-2025;

Quyết định số 181/QĐ-THCS ngày 28/12/2024 ban hành Quy chế thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ đối với cán bộ, viên chức, người lao động tại trường THCS tiên Thắng-Toàn Thắng;

Báo cáo số 12/BC-THCS ngày 24/01/2025 báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị năm 2024;

Báo cáo quyết toán số 18/BC-THCS ngày 10/02/2025 về việc quyết toán kinh phí hỗ trợ học phí học kỳ I năm học 2024-2025 (đợt 2 năm 2024) theo Nghị quyết số 64/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của HĐND thành phố;

Quyết định số 08/QĐ-THCS ngày 11/02/2025 về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2025;

Quyết định số 10/QĐ-THCS ngày 17/02/2025 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025.

b. Nội dung công khai

Nhà trường đã thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, chính xác, trung thực các nội dung công khai theo quy định tại Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017; Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống quốc dân; Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công khai ngân sách; Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công khai ngân sách;

công văn số 462/GDĐT ngày 13/9/2024 của Phòng GDĐT về triển khai thực hiện công tác công khai trong trường học năm học 2024-2025. Cụ thể như sau:

- Kế hoạch số 75/KH-THCS ngày 18/9/2024 thực hiện công tác công khai năm học 2024-2025;

- Quyết định số 97/QĐ-THCS ngày 18/9/2024 thành lập BCD công khai năm học 2024-2025;

- Quyết định số 10/QĐ-THCS ngày 17/02/2025 ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025;

- Ban hành Quyết định số 104/QĐ-THCS ngày 27/9/2024 về ban hành quy chế thực hiện công khai các nội dung theo quy định tại Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT.

- Biên bản công khai kế hoạch tuyển sinh lớp 6 ngày 06/6/2024;

- Biên bản xác nhận hết thời gian công khai kế hoạch tuyển sinh lớp 6 ngày 06/7/2024;

- Biên bản công khai tuyển dụng viên chức giáo viên ngày 10/7/2024;

- Biên bản xác nhận hết thời gian công khai tuyển dụng viên chức giáo viên ngày 10/8/2024;

- Biên bản họp lấy ý kiến CBVC xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường ngày 19/8/2025;

- Biên bản họp HĐSP và Ban đại diện CMHS công khai các văn bản dạy thêm, học thêm trong nhà trường năm học 2024-2025 ngày 26/8/2024;

- Biên bản họp lấy ý kiến CBVC xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường lần 2 ngày 30/8/2025;

- Biên bản công khai các văn bản về dạy thêm học thêm năm học 2024-2025 ngày 03/9/2024;

- Biên bản xác nhận hết thời gian công khai các văn bản quy định về dạy thêm, học thêm năm học 2024-2025 ngày 18/9/2024;

- Biên bản thực hiện công khai đầu năm học 2024-2025 ngày 30/9/2024;

- Biên bản công khai các quy định, quy chế của nhà trường năm học 2024-2025 ngày 18/10/2024;

- Biên bản công khai nâng lương trước thời hạn năm 2024 ngày 23/10/2024;

- Biên bản xác nhận hết thời gian công khai quy định, quy chế nhà trường năm học 2024-2025 ngày 25/10/2024;

- Biên bản xác nhận hết thời gian công khai nâng lương trước thời hạn năm 2024 ngày 23/10/2024;

- Biên bản xác nhận hết thời gian thực hiện công khai đầu năm học 2024-2025 ngày 31/10/2024;

- Biên bản xác nhận hết thời gian công khai nâng lương trước thời hạn năm 2024 ngày 07/11/2024;
 - Biên bản công khai danh sách giáo viên được hưởng tiền dạy học sinh khuyết tật học kỳ II năm học 2023-2024 ngày 09/12/2024;
 - Biên bản công khai thu nhập tăng thêm 6 tháng đầu năm 2024 đối với viên chức ngày 09/12/2024;
 - Kế hoạch số 126/KH-THCS ngày 12/12/2024 triển khai việc kê khai tài sản thu nhập năm 2024;
 - Biên bản họp HĐSP kê khai, công khai tài sản thu nhập năm 2024;
 - Biên bản thực hiện niêm yết công khai tài sản thu nhập năm 2024 ngày 14/12/2024;
 - Biên bản xác nhận hết thời gian thực hiện niêm yết công khai tài sản thu nhập năm 2024 ngày 29/12/2024;
 - Báo cáo số 131/BC-THCS ngày 31/12/2024 kết quả minh bạch tài sản thu nhập năm 2024;
 - Biên bản họp xét chi tiền khen thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP đối với viên chức năm 2024 ngày 28/12/2024;
 - Biên bản họp HĐSP công khai nội dung Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT về quy chế tuyển sinh vào THCS và THPT ngày 16/01/2025;
 - Biên bản họp HĐSP công khai chỉ thị số 39/CT/TU về triển khai thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW về tổ chức tết Ất tỵ 2025 ngày 16/01/2025;
 - Biên bản công khai chi tiền khen thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 21/01/2025;
 - Biên bản công khai dự toán ngân sách nhà nước (chi thường xuyên) và dự toán thu học phí năm 2025 ngày 12/02/2025;
 - Biên bản họp lãnh đạo nhà trường và BCH Công đoàn thông qua Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025 ngày 13/02/2025;
 - Hợp HĐSP thông qua tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh ngày 13/02/2025;
 - Biên bản họp HĐSP thông qua Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025 ngày 15/02/2025;
- Biên bản họp HĐSP ngày 25/02/2025 công khai quán triệt Thông tư 29/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024 về dạy thêm học thêm;
- Biên bản công khai Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025 ngày 15/02/2025;
 - Biên bản xác nhận hết thời gian công khai Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025 ngày 15/3/2025;

- Biên bản công khai triển khai thông tư 31/2023/TT-BGDĐT ngày 29/12/2023 ban hành Quy chế xét tốt nghiệp THCS;

- Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở năm học 2024-2025;

+ Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường;

+ Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế;

+ Công khai dự toán, quyết toán thu - chi ngân sách nhà nước, kể cả phần điều chỉnh giảm hoặc bổ sung (nếu có) đã được Ủy ban nhân dân huyện Tiên Lãng giao năm 2024, 2025;

+ Công khai các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của học sinh, cha mẹ học sinh và các tổ chức, cá nhân (bao gồm học phí và các khoản thu khác theo từng năm học, ...).

+ Công khai căn cứ thu, mục đích thu, đối tượng thu, mức thu, nội dung chi; dự toán, quyết toán thu, chi.

+ Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

c. Hình thức và thời điểm công khai

- Hình thức:

+ Công khai trên website của nhà trường.

+ Niêm yết tại bảng tin của nhà trường.

+ Thông báo tại các kỳ họp hội đồng trường, Hội đồng sư phạm nhà trường, học chuyên đề, họp phụ huynh, họp Ban đại diện CMHS.

- Thời điểm công khai

+ Vào đầu năm học: Tháng 8, 9/2024

+ Hết học kỳ 1: Tháng 01, 02

+ Hết năm học: Tháng 6

+ Sau khi nhận được dự toán ngân sách nhà nước.

+ Sau khi được Phòng Tài chính phê duyệt Báo cáo quyết toán thu chi tài chính ngân sách nhà nước và các khoản thu khác.

+ Khi có thông tin mới hoặc thay đổi nội dung liên quan.

5. Thực hiện Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024 về dạy thêm, học thêm

Nhà trường tổ chức phổ biến, quán triệt rộng rãi đến cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh học sinh quy định về dạy thêm học thêm; ban hành Thông báo số 06/TB-THCS ngày 08/02/2025 về việc dừng thu tiền dạy thêm, học thêm năm học 2024-2025 theo Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT từ ngày 14/02/2025.

Tổ chức cho 36 cán bộ, giáo viên ký cam kết không vi phạm quy định dạy thêm. Yêu cầu giáo viên dạy thêm tại trung tâm phải có đủ hồ sơ pháp lý. Đến nay toàn trường chưa có giáo viên dạy thêm tại trung tâm hoặc kinh doanh địa điểm dạy thêm.

Thu nhận học sinh khối 6,7,8 có kết quả học tập chưa đạt cuối học kỳ I có nguyện vọng ôn tập viết đơn gửi nhà trường để xếp lớp ôn tập, thu nhận đơn của học sinh lớp 9 có nguyện vọng ôn tập xét tốt nghiệp và tuyển sinh vào lớp 10; triển khai họp hội đồng sư phạm lấy ý kiến dân chủ, vận động giáo viên lớp 9 ôn tập 6 tiết/tuần đối với môn Ngữ văn, Toán, tiếng Anh. Duy trì ôn tập học sinh giỏi các môn khối 8, ôn tập IOE, Violympic.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm:

Nhà trường thực hiện tốt Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở; thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19/5/2020 của Bộ GDĐT hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động cơ sở giáo dục công lập; các văn bản chỉ đạo thực hiện công tác dân chủ của thành phố, huyện và địa phương.

Nhà trường triển khai đầy đủ công tác công khai theo đúng tinh thần chỉ đạo, văn bản hướng dẫn, xây dựng kế hoạch, ra quyết định thành lập, triển khai kế hoạch đúng thời gian quy định, tổ chức công khai theo đúng thời gian đã đề ra.

Trong các hội nghị, cuộc họp PHHS lớp, ban đại diện CMHS trường, không khí trao đổi, thảo luận dân chủ, cởi mở, phản biện tạo sự tin tưởng gắn kết của cha mẹ học sinh với nhà trường.

Công tác thu, chi trong năm học của nhà trường thực hiện nghiêm túc đúng, đủ, kịp thời theo công văn chỉ đạo của các cấp. Không có hiện tượng nhà trường, giáo viên ép buộc phụ huynh học sinh đóng góp các quỹ dồn đầu năm học, học kỳ. Mọi khoản thu đều chia thu từng tháng.

Mọi hoạt động của trường ổn định, trường học an toàn; không khí làm việc dân chủ, cởi mở, khoa học, vui vẻ. Cán bộ, viên chức, người lao động đoàn kết, phát huy trí tuệ, nghiêm túc thực hiện đạo đức, công vụ. Phụ huynh học sinh được tôn trọng, phát huy dân chủ, thảo luận, trực tiếp trao đổi với Hiệu trưởng; không khí phản biện khoa học, gần gũi, tạo sự đồng thuận, tin tưởng cao; không có bất thường xảy ra. Trong năm học không có ý kiến kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo về thu góp của học sinh với nhà trường.

Năm học 2024-2025 là năm học có nhiều chỉ đạo đổi mới về giáo dục: Nhiều cuộc thi đối với học sinh THCS được giảm tải: Không tổ chức các cuộc thi IOE, Violympic tiếng Anh khối 6,7,8,9, Toán tiếng Việt, Toán bằng tiếng Anh khối 6,7; máy tính cầm tay cấp huyện, thành phố; không tổ chức thi học sinh giỏi cấp huyện, cấp thành phố các nội dung cờ vua, đá cầu, cầu lông; không tổ chức Hội khỏe Phù Đổng cấp thành phố, quốc gia. Cấu trúc, ma trận, bản đặc tả đề kiểm tra thay đổi từ giữa học kỳ, cuối học kỳ II, cấu trúc đề thi tuyển sinh vào lớp 10 đối với học sinh

lớp 9. Quy định về dạy thêm, học thêm thực hiện theo Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT ngày 31/12/2024.

Nhà trường duy trì các hoạt động chuyên môn. Số chuyên đề cấp huyện đã thực hiện 6, số bài dạy an toàn giao thông 8. Thực hiện tốt tuyên truyền giáo dục đạo đức, lối sống, pháp luật; học tập tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; giáo dục bảo vệ chủ quyền biển, đảo; giáo dục phòng chống tham nhũng, tiêu cực; giáo dục phòng, chống thuốc lá, rượu, bia và tệ nạn xã hội.

Số học sinh giỏi cấp huyện: 47 (giải văn hóa 34, giải thể thao 13).

Số học sinh giỏi cấp thành phố 25 giải, trong đó:

- Giải LSĐL 9: 01
- Giải Nghệ thuật 9: 01
- Giải vẽ tranh 9: 01
- Violympic Toán, Khoa học tự nhiên, Toán bằng tiếng Anh: 22 giải vinh danh (Giải Bạc 01, giải Đồng 02, giải khuyến khích 19).

2. Tồn tại

Chất lượng đại trà và mũi nhọn chưa cao, chưa ổn định.

Một số giáo viên việc đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá chưa triệt để, chưa sáng tạo. Sự tương tác giữa học trò với nhau, giữa thầy và trò chưa nhuần nhuyễn, còn hình thức, khiên cưỡng. Việc hướng dẫn học sinh tự học chưa hiệu quả.

Tiến độ thu nộp của một số ít phụ huynh còn chưa đúng thời gian.

Còn học sinh bỏ học, học sinh vi phạm các nội quy trường lớp.

3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

Đầu năm học 02 giáo viên môn tiếng Anh, Toán – Tin năng lực chuyên môn giỏi chuyển đi đơn vị mới theo Quyết định của UBND huyện.

Trường thiếu 05 giáo viên bộ môn Toán, Tin, KHTN, LSĐL.

Học sinh khối 8, 9 chất lượng đầu vào thấp, nhiều học sinh tiếp thu chậm.

Do một số phụ huynh kinh tế còn khó khăn.

Tỷ lệ học sinh có hoàn cảnh khó khăn do bố mẹ bỏ nhau, mồ côi, bố mẹ đi làm xa, ở với ông bà, việc học tập thiếu sự quan tâm của gia đình.

V. ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ

Đề xuất cấp trên tạo điều kiện tu sửa nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị dạy và học đảm bảo phần đầu đánh giá ngoài mức 3, đạt trường chuẩn Quốc gia mức 2 vào năm 2028.

Trên đây báo cáo kết quả việc thực hiện nhiệm vụ dân chủ tại trường THCS Tiên Thắng - Toàn Thắng năm học 2024-2025. Trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Ban KT-XHHĐND xã;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Lương Văn Thuần